

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *185* /NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày *11* tháng *7* năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn
ngân sách Trung ương năm 2025 tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 17**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Nghị định
40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm
2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí
và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn
2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ
tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số
973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách
nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Công văn số 4488/BKHĐT-TH ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Bộ
Kế hoạch và Đầu tư về xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2025;*

*Xét Tờ trình số 1120/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân
sách Trung ương năm 2025 tỉnh Quảng Bình; sau khi nghe Báo cáo thẩm tra
của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân
dân tỉnh tại kỳ họp.*

[Signature]

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2025 như sau:

Tổng nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2025 theo ngành, lĩnh vực dự kiến là: 1.223.025 triệu đồng, gồm:

- Vốn trong nước: 996.569 triệu đồng;
- Vốn nước ngoài: 226.456 triệu đồng.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH Quảng Bình, TT TH - CB tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH


Trần Hải Châu

Phụ lục 01

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2025 TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2024				KH đầu tư trung hạn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch 2025 nguồn NSTW	Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2024 đến 31/01/2025		Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021-2024
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ					5.752.307	4.832.307	617.285	472.285	617.285	472.285	3.845.294	2.869.312	977.569	
A	NGÀNH GIAO THÔNG					4.827.307	4.007.307	591.750	446.750	591.750	446.750	3.020.294	2.420.937	599.357	
I	Thực hiện dự án														
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025														
1	Đường ven biển và Cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình	A	Toàn tỉnh	2021-2026	1680/QĐ-UBND ngày 16/8/2021, 2409/QĐ-UBND ngày 06/9/2022	3.500.000	2.700.000	551.100	406.100	551.100	406.100	1.712.987	1.712.987		UBND tỉnh đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư bổ sung KHĐTC trung hạn 2021-2025 cho dự án để có cơ sở bố trí vốn năm 2025
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025														
	Dự án nhóm B														
1	Đường và cầu vượt đường sắt trung tâm thành phố Đồng Hới	B	Đồng Hới	2022-2025	4292/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	160.000	160.000	7.200	7.200	7.200	7.200	160.000	53.800	106.200	
2	Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới	B	Đồng Hới	2022-2025	4561/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	200.000	200.000	8.640	8.640	8.640	8.640	200.000	72.640	127.360	
3	Tuyến đường kết nối từ đường ven biển đến đường Hồ Chí Minh nhánh Đông, huyện Bố Trạch	B	Bố Trạch	2022-2025	4560/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	180.000	180.000	5.690	5.690	5.690	5.690	180.000	96.105	83.895	
4	Cầu Lộc Thủy - An Thủy và đường hai đầu cầu	B	Lệ Thủy	2022-2025	4463/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	140.000	140.000	3.290	3.290	3.290	3.290	140.000	91.450	48.550	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2024				KH đầu tư trung hạn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch 2025 nguồn NSTW	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2024 đến 31/01/2025		Giai đoạn 2021-2025	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021-2024		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5	Hạ tầng tuyến đường chính từ Trung tâm huyện Quảng Trạch kết nối với Tỉnh lộ 22	B	Quảng Trạch	2022-2025	4086/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	110.000	110.000	3.230	3.230	3.230	3.230	110.000	62.430	47.570	
6	Hạ tầng Tuyến đường từ cầu Quảng Hải kết nối các tuyến đường trục chính qua các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn (giai đoạn 1)	B	Ba Đồn	2022-2025	3738/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	130.000	110.000	1.550	1.550	1.550	1.550	110.000	87.110	22.890	
7	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp hạ tầng tuyến đường tỉnh lộ 559 đoạn từ xã Quảng Lộc đi xã Quảng Tiên, thị xã Ba Đồn	B	Ba Đồn	2022-2025	3743/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	100.000	100.000	970	970	970	970	100.000	85.670	14.330	
8	Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh	B	Đồng Hới, Quảng Ninh	2022-2025	4629/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	150.000	150.000	5.240	5.240	5.240	5.240	150.000	72.740	77.260	
9	Tuyến đường chính khu đô thị Dinh Mười và vùng phụ cận huyện Quảng Ninh	B	Quảng Ninh	2022-2025	506/QĐ-UBND ngày 24/2/2022	157.307	157.307	4.840	4.840	4.840	4.840	157.307	86.005	71.302	
B	NGÀNH NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN					85.000	85.000	3.410	3.410	3.410	3.410	85.000	34.710	51.877	
I	Thực hiện dự án														
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025														
1	Sửa chữa nâng cấp các hồ đập xung yếu tỉnh Quảng Bình	B	Toàn tỉnh	2022-2025	4625/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	85.000	85.000	3.410	3.410	3.410	3.410	85.000	34.710	51.877	
C	LĨNH VỰC Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH					220.000	150.000	3.870	3.870	3.870	3.870	150.000	92.870	57.130	
I	Thực hiện dự án														
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025														
	Dự án nhóm B														

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2024				KH đầu tư trung hạn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch 2025 nguồn NSTW	Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2024 đến 31/01/2025		Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021-2024
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Bình (CDC)	B	Đồng Hới	2022-2025	4301/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	220.000	150.000	3.870	3.870	3.870	3.870	150.000	92.870	57.130	
E	LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO, DU LỊCH					290.000	260.000	9.825	9.825	9.825	9.825	260.000	115.025	144.975	
I	Thực hiện dự án														
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025														
1	Trung tâm Văn hóa huyện Tuyên Hóa	B	Tuyên Hóa	2022-2025	4361/QĐ-UBND ngày 25/12/2021	50.000	50.000	1.650	1.650	1.650	1.650	50.000	25.650	24.350	
2	Trung tâm thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình	B	Đồng Hới	2022-2025	4364/QĐ-UBND ngày 25/12/2021	240.000	210.000	8.175	8.175	8.175	8.175	210.000	89.375	120.625	
F	HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ					120.000	120.000	2.500	2.500	2.500	2.500	120.000	83.200	36.800	
I	Thực hiện dự án														
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025														
1	Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu Kinh tế Hòn La	B	Quảng Trạch	2022-2025	4550/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	120.000	120.000	2.500	2.500	2.500	2.500	120.000	83.200	36.800	
G	LĨNH VỰC THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG					210.000	210.000	5.930	5.930	5.930	5.930	210.000	122.570	87.430	
I	Thực hiện dự án														
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025														
a	Dự án nhóm B														
1	Dự án chuyển đổi số, chính quyền điện tử và đô thị thông minh tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025	B	Toàn tỉnh	2022-2025	4646/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	210.000	210.000	5.930	5.930	5.930	5.930	210.000	122.570	87.430	

Phụ lục 02

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2025 TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh)

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư																				Đơn vị: Triệu đồng	
		TMDT							Năm 2024						KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025								
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Tổng số	Trong đó:		Ước giải ngân kế hoạch vốn NSTW năm 2024 từ 1/1/2024 đến 31/12/2024		Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: Đã giao các năm 2021, 2022, 2023, 2024		KH vốn NSTW năm 2025				
			Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số	Vốn đối ứng NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số	Vốn đối ứng NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
					Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại									Tổng số	Vốn đối ứng NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số		Vốn đối ứng NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)
Tổng số	Vốn đối ứng NSTW																					Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	16	17	18	19	20	21	22	23	24	28	29	30	31
	TỔNG SỐ	1.555.470	376.717	141.620	1.178.753	756.360	274.126	234.576	10.982	223.594	216.224	10.982	205.242	826.398	96.620	729.778	580.942	77.620	503.322	245.456	19.000	226.456	
1	Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực Tiểu vùng Mê Công mở rộng - giai đoạn 2	234.378	-	-	234.378	187.502	46.876	120.249	-	120.249	101.897	-	101.897	187.502	-	187.502	106.630		106.630	80.872		80.872	Dự án đóng khoản vay ngày 30/6/2024. Đang làm thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư, gia hạn hiệp định vay đến 31/12/2025
2	Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình	974.025	259.650	141.620	714.375	487.125	227.250	73.456	10.982	62.474	73.456	10.982	62.474	557.163	96.620	460.543	433.441	77.620	355.821	123.722	19.000	104.722	Dự án sẽ kết thúc vào ngày 30/9/2025
3	Dự án cải thiện thu nhập bền vững và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vì cộng đồng nông thôn hòa bình tỉnh Quảng Bình	347.067	117.067		230.000	81.733	-	40.871	-	40871	40.871	-	40.871	81.733		81.733	40.871	-	40.871	40.862	-	40.862	Dự án sẽ kết thúc vào ngày 31/12/2025